TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cương

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Hồ Quốc Bình - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 341/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân N**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà K43/3 đường A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số nhà K43/3 đường A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn S xây dựng gia đình với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Lộc Đán cũ, nay là Ủy ban nhân dân phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến năm 2012 chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vả lẫn nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông S thường hay đi sớm về khuya, gây sự chửi bới, không có

trách nhiệm với vợ con. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông S, mâu thuẫn của chúng tôi đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông S.

Về con chung: Tôi và ông S có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1998 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Trúc Q, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Đối với con chung Nguyễn Thị Thúy H đã trưởng thành nên không đề cập.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Tôi xác định không có.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.**

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, mặc dù Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông S.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu xin được ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân N đối với ông Nguyễn Văn S là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân N .

- Về con chung: Tại phiên tòa bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N. Về mức cấp dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: bà N xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Ngày 24 tháng 6 năm 2019, bà Nguyễn Thị Xuân N khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình, về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" đối với ông Nguyễn Văn S, địa chỉ: Số nhà K43/3 đường A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định

tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung khởi kiện: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Xuân N xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông S.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Nguyễn Văn S là hợp pháp. Bà N xác định trong quá trình chung sống đến năm 2012 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vả lẫn nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông S thường hay đi sớm về khuya, gây sự chửi bới, không có trách nhiệm với vợ con, qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn giữa bà N và ông S là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông S biết việc bà N ly hôn nhưng ông cũng không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu trên của bà N, thể hiện ông S không có thiện chí hàn gắn gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông S là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà N xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1998 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Trúc Q, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Đối với con chung Nguyễn Thị Thúy H đã trưởng thành nên không đề cập.

Xét yêu cầu được nuôi con của bà N thì thấy: Việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này, cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012 tính đến ngày xét xử chưa đủ 07 tuổi, tuy nhiên cháu Q có đơn trình bày có nguyện vọng được ở với bà N, mặt khác trong quá trình tố tụng ông S vắng mặt tại Tòa án không có lý do, thể hiện ông S không có nguyện vọng được nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà N thì thấy: Việc cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ đối với con cái sau ly hôn là nghĩa vụ chung, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng một phần cho bên nuôi con, tuy nhiên mức cấp dưỡng phải phù hợp đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho con và người cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho 01 con chung là phù hợp với Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị Xuân N phải chịu, án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn S phải chịu theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân N đối với ông Nguyễn Văn S về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân N được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012. Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2019, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Xuân N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004974 ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn. biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND p. Thanh Khê Tây, q. Thanh Khê (GNCKH số 45 ngày 26/5/1997)
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Hưng